

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-7-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chung**
Bà **Bùi Thị Truyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Anh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Mang D** - Sinh năm: 198

Nơi cư trú: Thôn X, xã D, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Đ** - Sinh năm: 198

Nơi cư trú: Thôn 5, xã S, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày /02/2020, bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mang D trình bày:* Bà D và ông Nguyễn Đ tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa vào năm 201 .

Quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi, từ cuối năm năm 2019 đến nay vợ chồng không còn ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Bà D cùng với hai con đã trở về nhà mẹ đẻ của bà để sinh sống tại thôn X, xã D, huyện Diên Khánh. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có tất cả hai người con chung tên là Nguyễn B, sinh ngày: 19/02/201 , Nguyễn T, sinh ngày: 23/6/201 . Trường hợp ly hôn bà D yêu cầu

được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành. Bà D không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Mang D khai vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Đ trình bày:*

Ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà D về thời gian kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng và họ tên, ngày tháng năm sinh của hai người con chung nêu trên. Trong thời gian chung sống cùng với gia đình chồng tại thôn 5, xã S, thị xã Ninh Hòa nhưng bà D rất ít quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng mà bà thường quan tâm, chăm lo đến gia đình bên ngoại là mẹ và chị ruột của bà D. Nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông Đ đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông Đ đồng ý giao cháu Nguyễn B cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn T đến tuổi trưởng thành; ông Đ không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi cháu T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Ông Đ xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa trình bày quan điểm:* Về chấp hành pháp luật, Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; về đánh giá, nhận định tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án: Đầy đủ, đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bà Mang D được ly hôn với ông Nguyễn Đ.

- Về con chung: Giao hai cháu B và T cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con chung nên không xét.

Ông Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Mang D và ông Nguyễn Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Bà Mang D quy phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Mang D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đ và yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Mang D và ông Nguyễn Đ tự nguyện tìm hiểu, quyết định kết hôn và chung sống với nhau vào năm 201 , có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thị xã Ninh Hòa, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18/201 cấp ngày 29/4/201 . Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự: Theo lời khai của bà D, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên kinh cãi và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2019 đến nay, vợ chồng cũng đã nhiều lần khuyên can, nhắc nhở nhưng mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn vợ chồng không thể tiếp tục duy trì chung sống với nhau.

Vì vậy, bà D yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Ông Đ đồng ý ly hôn. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là có cơ sở nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà D.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có tất cả hai người con chung là Nguyễn B, sinh ngày: 19/02/201 , Nguyễn T, sinh ngày: 23/6/201 .

- Bà Mang D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn B và Nguyễn T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Ông Nguyễn Đ đồng ý giao cháu Nguyễn B cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi cháu T;

Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét điều kiện hiện tại của bị đơn: Ông Đ đang ở nhà trọ, làm việc ở thành phố Nha Trang, mỗi tháng về nhà thăm bố, mẹ một lần (bố mẹ của ông Đ đã già yếu, trên 70 tuổi). Việc ông Đ trình bày: khi được nhận nuôi dưỡng cháu T, ông Đ sẽ để cháu T sống cùng với ông, bà tại thôn 5, xã S và cháu T do bố, mẹ của ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; hàng tháng ông Đ gửi tiền về cho bố, mẹ nuôi cháu. Mặt khác, mục đích ông Đ yêu cầu nuôi cháu T là để sau này khi ông Đ lớn tuổi có người chăm sóc tuổi già.

Trong vụ án này, xét thấy từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau, bà D là người chăm sóc hai cháu N và T. Hiện nay, bà D cùng hai con sinh sống ổn định tại nhà mẹ đẻ thôn X, xã D, huyện Diên Khánh, bà đang làm nghề mua bán trái cây và củ quả; có thu nhập ổn định (khoảng 12 triệu đồng/tháng); thời gian hơn bốn tháng nay, ông Đ không gọi điện, không đến nhà thăm hỏi con và cũng không gửi quà hay bất kỳ khoản phụ cấp nào để nuôi dưỡng hai con. Cho thấy, ông Đ bỏ mặc, không quan tâm, không thiện chí đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung trong thời gian vợ chồng ly thân. Hơn nữa, hai cháu N và T còn nhỏ (chỉ mới 04 – 05 tuổi) chưa thể tự chăm sóc bản thân mình nên việc tách khỏi sự quan tâm, chăm sóc của mẹ sẽ gây ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của trẻ về sau.

Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con để quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo tốt nhất quyền lợi về mọi mặt của hai con, tạo điều kiện cho các con được ở gần với mẹ và đảm bảo tình cảm gắn bó của hai chị em trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Xét điều kiện hiện nay của nguyên đơn: Bà D có thu nhập và nơi ở ổn định và nguyên đơn có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con chung. Từ sau khi vợ chồng không còn chung sống với nhau cho đến nay, hai con chung do bà D đang chăm sóc ổn định. Việc ông Đ trình bày mục đích yêu cầu nuôi cháu T là để sau này khi ông Đ lớn tuổi có người chăm sóc tuổi già là không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu nuôi cháu T của bị đơn và chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con* và Điều 58, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Mang D và ông Nguyễn Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Mang D và ông Nguyễn Đ cùng xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai.

[4] Về án phí: Bà Mang D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bà Mang D về việc ly hôn.

1. Về hôn nhân: Bà Mang D được ly hôn với ông Nguyễn Đ.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn N, sinh ngày: 19/02/201 , Nguyễn T, sinh ngày: 23/6/201 cho bà Mang D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà D không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Ông Nguyễn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con, khi cần thiết bà D, ông Đ đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Mang D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0009329 ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Mang D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã S, theo GCNKH số 18/201 ngày 29/4/201 , khi án có hiệu lực;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phạm Thùy My